

CHƯƠNG TRÌNH

Cải cách hành chính và xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025

Trong những năm qua Cải cách hành chính (CCHC) nói chung và ứng dụng công nghệ thông tin nói riêng được tỉnh rất quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực, nhất là từ khi ban hành Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác cải cách hành chính và nâng cao chất lượng các chỉ số cạnh tranh của tỉnh. Các hoạt động cụ thể như: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính đều phát huy hiệu quả. Trong đó cải cách TTHC và thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, gắn với thực hiện xây dựng chính quyền điện tử (CQĐT); đồng thời, tăng cường ứng dụng các dịch vụ công gắn với rà soát, cắt bỏ các quy trình trung gian, chồng chéo, những thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện trong từng TTHC còn rườm rà không cần thiết, dễ dẫn đến tham nhũng, từ đó làm cho nền hành chính ngày càng minh bạch, dân chủ, có tính chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng CCHC, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nhằm phát huy thành quả đạt được, tiếp tục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và yêu cầu của công tác CCHC nhà nước giai đoạn mới trong các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và Nhân dân.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XIV về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XIV về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh Hậu Giang ban hành chương trình CCHC và xây dựng CQĐT giai đoạn 2021 - 2025, với nội dung sau:

Phần một

THỰC TRẠNG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện đến năm 2020

1. Về tổng thể

a) Về Cải cách hành chính:

Tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác CCHC; chỉ đạo xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ. Hàng năm, Tỉnh kiểm tra tại ít nhất 30% đơn vị cấp xã, 50% đơn vị cấp huyện và 40% đơn vị cấp tỉnh (với hơn 100 lượt đơn vị mỗi năm). Công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nói chung và các quy định liên quan đến CCHC nói riêng được Tỉnh thực hiện tốt, qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác CCHC nói chung và nâng cao chất lượng các chỉ số của Tỉnh trong lĩnh vực CCHC (PAR INDEX, PCI, SIPAS và PAPI) nói riêng.

b) Về xây dựng Chính quyền điện tử:

- Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử.

Hiện nay, các hoạt động của cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Hậu Giang cơ bản đã được thực hiện trên môi trường mạng từ Tỉnh đến cơ sở, với 100% cơ quan, đơn vị được trang bị máy tính, mạng LAN, Internet; 100% văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan từ tỉnh đến huyện (trừ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc của các cơ quan, đơn vị và địa phương) và trên 80% giữa cơ quan cấp xã với các cơ quan cấp Tỉnh, huyện (trừ các văn bản mật); 100% cơ quan sử dụng Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử của Tỉnh; có 395 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 tại địa chỉ: dichvucong.haugiang.gov.vn; thường xuyên công khai minh bạch thông tin hoạt động của cơ quan nhà nước trên Cổng thông tin điện tử.

- Đã có sự chuyển biến tích cực trong việc xây dựng và phát triển đô thị thông minh, kinh tế số; những năm gần đây hơn 4.647 doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh, một số doanh nghiệp đã ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh với mức độ khác nhau.

2. Một số kết quả nổi bật

Thực hiện Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính, xây dựng hệ thống chính quyền và phòng chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2016 - 2020, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng như:

a) Tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản để triển khai thực hiện như: Kế hoạch CCHC Nhà nước tỉnh Hậu Giang hàng năm; Kế hoạch kiểm tra công tác

CCHC và công vụ; thành lập Đoàn Kiểm tra công tác CCHC và công vụ; Dân vận chính quyền và Quy chế dân chủ cơ sở; Kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông... Các văn bản ban hành đều được các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả.

b) Công tác kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC, thanh tra công vụ, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hàng năm, Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại ít nhất 30% đơn vị cấp xã, 50% đơn vị cấp huyện và 40% đơn vị cấp tỉnh (với gần 100 lượt đơn vị mỗi năm).

c) Công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung, các chủ trương chính sách liên quan đến CCHC được tỉnh xác định là nhiệm vụ quan trọng để góp phần nâng cao chất lượng công tác CCHC và thực hiện các chỉ số (PAR INDEX, PCI, SIPAS và PAPI).

d) Công tác cải cách thể chế được quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật dân đi vào nề nếp, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản được đảm bảo, các cơ quan đã chủ động kịp thời tham mưu xây dựng văn bản để thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý quan trọng, điều chỉnh thiết thực các quan hệ xã hội phát sinh, góp phần thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

đ) Đến thời điểm hiện tại tỉnh đã hoàn thành tất cả các nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC, trong đó có nhiều nội dung vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra như:

Thứ nhất, công tác chỉ đạo điều hành trong công tác CCHC được thực hiện thống nhất và đồng bộ. Thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 02/8/2018 và Kế hoạch số 3906/KH-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh về nâng cao chất lượng các Chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2021 và những năm tiếp theo. Các sở, ngành và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Qua kiểm tra đã ghi nhận rất nhiều tiến bộ như: công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện có chiều sâu và thiết thực; công tác kiểm tra CCHC được thực hiện khá tốt; trong năm đã có nhiều giải pháp được các đơn vị triển khai thực hiện và mang lại hiệu quả...

Thứ hai, công tác tổ chức bộ máy được thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Triển khai thực hiện nghiêm các quy định về tổ chức bộ máy đồng thời tiến hành rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước theo hướng tinh gọn, tăng cường quản lý nhà nước theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, giảm đầu mối; kịp thời ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ,

công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đúng quy định và hoàn thành đúng lộ trình.

Thứ ba, công tác đào tạo bồi dưỡng mang lại hiệu quả tích cực. Từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định và nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua công tác đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực (mỗi năm đã tổ chức 226 lớp đào tạo, bồi dưỡng với hơn 17.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham dự...).

Thứ tư, cải cách TTHC, ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO ngày càng hiệu quả. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã hoạt động hiệu quả góp phần quan trọng vào việc giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân... Kết quả giải quyết TTHC đúng hẹn đạt từ 90% trở lên.

Thứ năm, các chỉ số của tỉnh (PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS) đều có sự tiến bộ qua hàng năm. Trong đó chỉ số SIPAS và PAR INDEX của tỉnh nằm trong nhóm tốt của cả nước.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

a) Được sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đối với công tác CCHC; sự chỉ đạo điều hành năng động của UBND tỉnh; sự chủ động, tích cực của các ngành và địa phương, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nên công tác CCHC dần đi vào nề nếp và ngày càng hiệu quả, thiết thực.

b) Công tác xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, kịp thời, thống nhất góp phần củng cố, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương. Nhìn chung, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh ngày càng nâng cao, hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất cao. Công tác tuyên truyền, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến, tích cực. Trong quá trình thực hiện, sự phối hợp giữa các cơ quan tương đối nhịp nhàng. Thông qua công tác rà soát đã kịp thời phát hiện và xử lý các văn bản ban hành chưa phù hợp, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật ở địa phương.

c) Thủ tục hành chính trên nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước tiếp tục được các sở, ban, ngành tỉnh rà soát, cập nhật và trình công bố theo đúng quy định; 100% TTHC sau khi có quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh đều được niêm yết, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ và đúng quy định tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tra cứu, thực hiện. Việc giải quyết TTHC nhanh chóng, kịp thời và minh bạch thông qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh, các Bộ phận một cửa.

d) Việc phối hợp giữa UBND tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy trong thực hiện hoạt động kiểm tra công tác kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông rất chặt chẽ, từ đó giúp các cơ quan, đơn vị liên quan tiết kiệm được thời gian, kinh phí nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng kiểm tra, kịp thời hướng dẫn, uốn nắn các cơ quan, đơn vị còn hạn chế, thiếu sót trong thực hiện công tác này.

đ) Thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích và có sáng kiến thực hiện mô hình chuyển giao hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua các điểm Bưu điện (*Kế hoạch phối hợp số 1348/KHPH-UBNDTHG-TCTBĐVN giữa UBND tỉnh Hậu Giang và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam về thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*).

e) Hiện tại đa phần các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã tích hợp Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc với phần mềm một cửa điện tử, góp phần tích cực trong CCHC.

f) Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động quản lý nhà nước phục vụ các tổ chức, cá nhân là cần thiết, có hiệu quả thiết thực, hỗ trợ đắc lực cho chương trình CCHC của Chính phủ và của tỉnh Hậu Giang.

g) Công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ được Thủ trưởng các cấp, các ngành trong tỉnh chỉ đạo tiến hành thường xuyên. Tăng cường thanh tra, giám sát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội. Từ đó, làm cho cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đúng đắn về hành vi tham nhũng; kịp thời phát hiện chấn chỉnh hạn chế, khuyết điểm, xử nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Hạn chế

a) Về tổng thể:

- Việc rà soát, cập nhật các văn bản của một số cơ quan, đơn vị đôi lúc chưa thường xuyên; công tác tự kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật tại một vài cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện chưa hiệu quả. Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị có liên quan chưa được nhịp nhàng, chưa chặt chẽ trong một số lĩnh vực.

- Một số cơ quan, đơn vị còn tình trạng giải quyết TTHC chưa đúng quy định, trả kết quả còn trễ hẹn.

- Hạ tầng công nghệ thông tin so với mặt bằng chung của cả nước còn thấp, việc khai thác sử dụng hệ thống thông tin, triển khai các phần mềm dùng chung và thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn chậm, hiệu quả chưa cao do tỉnh Hậu Giang đa số là dân lao động nông thôn, trình độ dân trí còn thấp. Mặc dù Tỉnh đã triển khai thử nghiệm một số ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh như: Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC), Ứng dụng Hậu Giang (App Hậu Giang), một số phần mềm ứng dụng về y tế,

giáo dục, tuy nhiên về tổng thể, Tỉnh chưa có đề án, mô hình đô thị thông minh; kinh tế số hầu như chưa phát triển, tỷ trọng kinh tế số trong nền kinh tế của Tỉnh còn rất thấp.

b) Các nội dung cụ thể:

- Việc thực hiện công tác rà soát văn bản của một số cơ quan, đơn vị đôi lúc chưa thường xuyên, dẫn đến tình trạng có những văn bản không còn phù hợp với quy định của văn bản cấp trên, nhưng việc tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chưa kịp thời; công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật ở một vài đơn vị cấp huyện, xã thực hiện chưa hiệu quả. Tính chủ động thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của một số cơ quan chưa cao.

- Công tác phối hợp rà soát, cập nhật, trình công bố các TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của một số sở, ngành còn chậm so với yêu cầu.

- Việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết hồ sơ TTHC của cá nhân, tổ chức được các cơ quan, đơn vị quan tâm, tổ chức thực hiện khá tốt, tuy nhiên vẫn còn hồ sơ TTHC quá hạn quy định do khâu phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan chưa được nhịp nhàng, thiếu chặt chẽ trong một số lĩnh vực như: đất đai, lý lịch tư pháp, bảo trợ tư pháp.

- Tại một số các đơn vị chưa xây dựng quy trình ISO trong xử lý công việc do đó chưa tích hợp vào phần mềm giải quyết TTHC. Một số cơ quan hành chính nhà nước chưa thực hiện nghiêm túc việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của hoạt động này.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và chế tài đối với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong thời gian qua có nhiều tiến bộ nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa đi vào chiều sâu và mang tính căn cơ; chưa có giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm.

3. Nguyên nhân hạn chế

a) Thể chế, chính sách về quản lý một số lĩnh vực chưa đồng bộ, bất cập. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí biên chế chuyên trách, các điều kiện bảo đảm cho hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản còn gặp nhiều khó khăn.

b) Công tác CCHC nói chung trong thời gian qua tuy có nhiều cố gắng nhưng kết quả chưa cao. Ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên chưa thể đầu tư nhiều cho CCHC như: Xây dựng nơi làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, kinh phí tuyên truyền. Đội ngũ cán bộ, công chức là đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC các cơ quan, đơn vị nhìn chung có nhiều cố gắng, nỗ lực. Tuy nhiên, vẫn còn một số công chức chưa tập trung, thiếu chủ động trong thực hiện nhiệm vụ do kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn hoặc do thay đổi vị trí công tác nên việc tổ chức thực hiện một số công việc chưa liên tục, thiếu hiệu quả.

c) Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động trong việc tham mưu, thực hiện CCHC; lãnh đạo của một số ngành và địa phương chưa quan tâm đúng mức đến

công tác CCHC nói chung và việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông nói riêng; một vài đơn vị chưa kiên quyết, nhất quán trong khắc phục các hạn chế liên quan đến giải quyết TTHC.

d) Một số địa phương, đơn vị chưa quyết tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành xây dựng CQĐT và chuyển đổi số. Tốc độ phát triển của công nghệ thông tin và xu hướng chuyển đổi số diễn ra nhanh trong khi nguồn lực của Tỉnh, đặc biệt là nguồn nhân lực về công nghệ thông tin còn thiếu và yếu; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Tỉnh hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu công việc; cơ chế chính sách cho xây dựng CQĐT, chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh chưa đầy đủ; thiếu tính cạnh tranh, chưa có các chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, doanh nghiệp công nghệ số; chưa tạo ra thị trường đủ lớn cho doanh nghiệp công nghệ số.

Phần hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2025

a) Triển khai thực hiện kịp thời các giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước 3 cấp thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

b) Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản (trọng tâm là rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính) nhằm đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính nâng mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80%.

c) Đến năm 2025, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh; 100% các cơ quan hành chính nhà nước của Tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

d) Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2025; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh đạt mức trên 80%.

đ) Xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp đồng bộ vào các ngành kinh tế - xã hội của Tỉnh để nâng cao năng lực quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động kinh tế - xã hội, tạo ra môi trường sống an toàn, sạch đẹp, phục vụ tốt cho người dân, doanh nghiệp và khách du lịch. Triển khai mô hình thí điểm tại thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy, phấn đấu đến năm 2025 thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy trở thành đô thị thông minh của Tỉnh.

e) Đến năm 2025, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước của Tỉnh đạt được mục tiêu đề ra, các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính với Nhân dân được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

f) Tăng cường thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng. Đẩy mạnh công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận xử lý tố cáo. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức từ tỉnh đến cơ sở và mỗi cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng lãng phí đang diễn ra trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về Cải cách hành chính:

Mục tiêu đến năm 2025: Xây dựng chính quyền Hậu Giang thân thiện, kiến tạo, liêm chính, hiệu lực, hành động quyết liệt, hiệu quả, phục vụ Nhân dân, với những mục tiêu cụ thể sau:

- Rà soát đơn giản hóa TTHC nhằm đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong quyết công việc hành chính, nâng mức độ hài lòng của Nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80%.

+ Xây dựng 8/8 bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thành Trung tâm phục vụ hành chính công theo hướng hiện đại và phấn đấu ít nhất 50% bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã theo hướng hiện đại. Thực hiện 4 tại chỗ (tiếp nhận, thẩm định, giải quyết và trả kết quả) tại các Trung tâm phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh.

+ Phấn đấu giải quyết trước hạn, đúng hạn từ 95% trở lên số hồ sơ TTHC được tiếp nhận.

- Đến năm 2025, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân và sự nghiệp phát triển của Tỉnh.

+ 100% các cơ quan Nhà nước của Tỉnh xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

+ Trên 90% công chức, viên chức tại các cơ quan Nhà nước của Tỉnh có cơ cấu theo vị trí việc làm. Phấn đấu bố trí đúng vị trí việc làm đạt 100%.

- Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2025; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước trong Tỉnh đạt mức trên 80%.

+ Các chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI và SIPAS tăng điểm qua từng năm; phân đầu các chỉ số đều thuộc nhóm tốt và nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành.

+ Chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với kết quả giải quyết TTHC đạt 85%, nhất là các TTHC lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tư pháp.

+ 80% thủ tục hành chính, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 bình quân toàn Tỉnh đạt 50%.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả chính quyền điện tử và đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

+ Có 100% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử (không tính các văn bản mật hoặc các văn bản mà quy định không được trao đổi dưới dạng điện tử).

+ Có 100% cơ quan hành chính Nhà nước của Tỉnh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào quy trình xử lý văn bản.

b) Về xây dựng chính quyền điện tử:

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm thiết bị di động.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp Tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp cơ sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo của Tỉnh.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP), kết nối đồng bộ với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp quốc gia; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh đáp ứng yêu cầu khai thác dữ liệu và cung cấp dịch vụ công.

- Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu của tỉnh bao gồm các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, thuế, bảo hiểm, tư pháp,... để cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% cấp xã.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; các khu công nghiệp được phủ sóng 5G trong năm 2021.

- Các hệ thống thông tin của Tỉnh được đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp. Hậu Giang đạt chỉ số an toàn thông tin mạng thuộc nhóm B.

- Mỗi hộ, gia đình có một mã bưu chính, có thể tra cứu địa chỉ bằng bản đồ số.

- Hoàn thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, chia sẻ và tích hợp để phục vụ công tác quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công cho người dân.

- Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng một số ứng dụng thông minh trọng điểm trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, giáo dục, an ninh trật tự, tài nguyên môi trường, y tế.

- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng nhiệm vụ xây dựng CQĐT, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Hậu Giang.

- Triển khai đồng bộ các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Vị Thanh.

- Khuyến khích thu hút, phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại Tỉnh, đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Tăng cường truyền thông qua các phương tiện mới; hiện đại hóa hệ thống loa truyền thanh cơ sở bằng công nghệ số; đổi mới nội dung báo chí truyền thông nhằm tạo đồng thuận, niềm tin xã hội và khát vọng hùng cường cho Tỉnh, tạo ra sức mạnh tinh thần để Tỉnh bứt phá vươn lên.

II. Nhiệm vụ

1. Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tạo chuyển biến mạnh mẽ về tiến độ và chất lượng trong công tác xây dựng pháp luật gắn với công tác kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật; khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong việc chuẩn bị, soạn thảo các văn bản; đề cao trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình xây dựng thể chế, phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của các cơ quan, đơn vị và Nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian tới, điều chỉnh thiết thực các quan hệ xã hội phát sinh, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của Nhà nước, Doanh nghiệp và Nhân dân trong quá trình phát triển và hội nhập hiện nay.

2. Tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC trọng tâm hàng năm, để cắt giảm, đơn giản hóa những TTHC không cần thiết, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ, cắt giảm, đơn giản hóa những quy định không hợp lý, đang là rào cản, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính, TTHC. Thực hiện có hiệu quả kiểm soát TTHC và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Đơn giản và hiện đại hóa hệ thống báo cáo, thống kê của Tỉnh. Tăng cường tiếp nhận, thu thập, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân và doanh nghiệp bằng cách đa dạng hóa các kênh tương tác.

3. Đổi mới phương thức làm việc các cơ quan hành chính nhà nước của Tỉnh, thực hiện thống nhất và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương; hoàn thiện cơ chế phân cấp,

bảo đảm quản lý thống nhất quy hoạch và có định hướng phát triển, tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; phân cấp và giao quyền trên một số lĩnh vực mà Chính phủ và các cơ quan Trung ương cho phép nhằm tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị, chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Tổng kết và đề xuất nhân rộng mô hình Chính quyền thân thiện cấp xã. Xây dựng và tổ chức thực hiện truyền thông để thông tin về những định hướng, kết quả đạt được trong CCHC tới người dân, doanh nghiệp.

4. Nâng cao ý thức, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức đối với người dân và doanh nghiệp. Thực hiện chế độ về tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực của công chức, viên chức trúng tuyển, cơ chế thi tuyển phải bảo đảm tính dân chủ, công khai, chọn đúng người đủ tiêu chuẩn vào bộ máy nhà nước; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mạnh dạn đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức, viên chức không đủ năng lực, trình độ, những người vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tạo điều kiện đổi mới, trẻ hoá, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính, đổi mới định mức chi tiêu đơn giản hơn, tăng quyền chủ động của cơ quan sử dụng ngân sách; tăng cường đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao; thực hiện đổi mới cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

6. Hoàn thiện thể chế, bảo đảm môi trường pháp lý, chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, phát triển kinh tế số, chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, ban hành các chính sách thúc đẩy, ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển CQĐT, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; đổi mới môi trường sáng tạo, thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ số, thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Rà soát, nghiên cứu, ban hành chính sách để tạo điều kiện thuận lợi thu hút và phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành hệ sinh thái phát triển kinh tế số; trong đó, tập trung ưu đãi về thuế và chi phí liên quan đến đất đai, hỗ trợ về hạ tầng viễn thông, Internet, điện, nước, hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, chính sách nhà ở xã hội cho người lao động,... các dịch vụ cần thiết khác để hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trên địa bàn tỉnh.

7. Phát triển hạ tầng số

a) Nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị công nghệ thông tin, đảm bảo kết nối mọi lúc, mọi nơi an toàn, thuận tiện. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của các đơn vị đảm bảo đáp ứng yêu cầu phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số của Tỉnh. Xây dựng mạng diện rộng của Tỉnh phục vụ trao đổi

văn bản, tài liệu của các cơ quan cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trên môi trường mạng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao ban trực tuyến, tiếp cận thông tin, khai thác dữ liệu mở và các ứng dụng khác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng. Bảo đảm kết nối toàn diện trong xã hội: phổ cập điện thoại thông minh tới người dân; bảo đảm băng thông, tốc độ, chất lượng kết nối cho việc thiết lập mạng kết nối mọi thiết bị, phục vụ các dịch vụ mới của kinh tế số; phấn đấu đưa tỷ lệ người dân chưa sử dụng Internet xuống dưới 20%, tỷ lệ hộ gia đình chưa có kết nối băng rộng xuống dưới 30%.

b) Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành. Xây dựng, đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị và địa phương, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu mở của Tỉnh. Đẩy mạnh số hoá hồ sơ, tài liệu, các quy trình nghiệp vụ và mọi giao dịch công vụ, từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

8. Hoàn thiện Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số

a) Hoàn thiện Chính quyền điện tử. Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện kiến trúc CQĐT của Tỉnh theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia; tiếp tục thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2020 - 2025. Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), kết nối đồng bộ toàn tỉnh, liên thông với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) bảo đảm đồng bộ với các hệ thống dữ liệu quốc gia. Phát triển, nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng, ứng dụng dùng chung cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh như: Cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản điện tử, hệ thống định danh và xác thực điện tử, hệ thống thanh toán,...

b) Phát triển Chính quyền số. Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020. Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và các dịch vụ số của Chính quyền số. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trong cấp ủy, chính quyền các cấp, bao gồm số hóa hồ sơ, tài liệu và quy trình trong giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức và giữa các cơ quan, tổ chức với người dân, doanh nghiệp.

9. Ưu tiên chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng tối đa công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến để học sinh, sinh viên và mọi người dân đều có thể học tập các khóa học trực tuyến với chất lượng tốt và chi phí thấp. Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải tại các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số.

a) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, sạch; tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như: Đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

b) Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

10. Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và cộng đồng. Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nhanh chóng chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động, tạo thị trường thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số và kinh tế số.

Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đặc biệt là người dân vùng sâu, xa, khó khăn và người dân tộc thiểu số tiếp cận, khai thác dịch vụ số, bao gồm tiếp cận thông tin chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, dịch vụ công trực tuyến, đến dịch vụ đô thị thông minh và thương mại điện tử. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, văn bản, chứng thực hồ sơ điện tử và cung cấp hệ thống cơ sở dữ liệu mở tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin và thực hiện cung cấp thông tin, văn bản, giấy tờ, hồ sơ một lần duy nhất khi yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính ở mọi nơi, mọi lúc.

11. Xây dựng và phát triển đô thị thông minh. Triển khai các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh về an ninh, trật tự an toàn, giao thông; quản lý đô thị, quản lý năng lượng chiếu sáng; cung cấp các dịch vụ về giáo dục thông minh, y tế thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt; thí điểm các mô hình và dịch vụ cấp cơ sở thông minh tại các trung tâm đô thị và xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh giúp điều phối hoạt động chỉ đạo điều hành, quản lý cung cấp dịch vụ và hỗ trợ ứng phó kịp thời mọi tình huống diễn ra trong cộng đồng như thiên tai, dịch bệnh. Xây dựng thành phố Vị Thanh trở thành đô thị thông minh điển hình của Tỉnh và khu vực, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống CQĐT, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

12. Phát triển kinh tế số. Thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ số trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và trong cộng đồng. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ số; từng bước hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp số. Đẩy nhanh ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong chính quyền và trong cộng đồng.

Phát triển hạ tầng bưu chính trở thành một bộ phận trong hệ thống logistic về thương mại điện tử, không chỉ phục vụ phát triển doanh nghiệp mà còn thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân, triển khai thực hiện mỗi xã nông thôn mới trở thành một siêu thị nông sản trực tuyến. Nghiên cứu, phát triển mã địa chỉ bưu chính (Vpostcode) để phục vụ phát triển thương mại điện tử và kinh tế - xã hội Tỉnh. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử theo trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, trong đó chú trọng hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.

13. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng an toàn thông minh của tỉnh Hậu Giang. Triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng cấp Tỉnh. Nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, tránh nguy cơ mất an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người dân. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực an toàn, an ninh mạng phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, đô thị thông minh, kinh tế số và chuyển đổi số trên địa bàn Tỉnh.

14. Chuẩn bị nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ xây dựng CQĐT, thực hiện chuyển đổi số. Định kỳ cập nhật xu hướng, định hướng mới về xây dựng CQĐT, đô thị thông minh, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong nước và trên thế giới cho Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Lãnh đạo sở, ban, ngành Tỉnh. Tập trung đào tạo, cập nhật thường xuyên kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành Tỉnh và có chế độ, chính sách hỗ trợ phù hợp cho đội ngũ này trong việc học tập, nâng cao trình độ bản thân. Tăng cường đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn Tỉnh.

III. Các giải pháp chủ yếu

1. Chỉ đạo, triển khai, quán triệt CCHC từ cấp tỉnh đến cấp xã, xác định, quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo chủ chốt ở các cấp ủy Đảng và chính quyền.

2. Quy định trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc cấp chính quyền, chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình phải được tổ chức đồng bộ dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong hoạt động của Nhà nước, xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng thời gian, lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình, trong đó bộ máy hành chính là công cụ quan trọng thực hiện đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Sự chỉ đạo CCHC phải gắn chặt với sự chỉ đạo đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế thống kê, theo dõi và đôn đốc thực hiện nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, tiếp tục rà soát, chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đổi mới cách thức phân công nhiệm vụ giữa các đơn vị, đảm bảo nguyên tắc một cơ quan có thể thực hiện nhiều nhiệm vụ, nhưng một nhiệm vụ chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính, phân công nhiệm vụ phải rõ chủ thể chủ trì, chủ thể phối hợp và thời hạn hoàn thành; sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc để quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác phối hợp, gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

3. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, nội dung CCHC của Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước.

4. Bố trí đủ nguồn nhân lực và tài chính cho cải cách hành chính.

- Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Bố trí đủ nguồn lực tài chính cần thiết từ ngân sách nhà nước để xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án CCHC.

5. Thực hiện đúng quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Tăng cường thực hiện phân cấp, ủy quyền, đặc biệt là những lĩnh vực liên quan đến người dân và doanh nghiệp như: Đất đai, xây dựng, cấp phép,...

6. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước. Nâng cao hiệu quả áp dụng, duy trì và nâng cấp phiên bản hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Xây dựng và triển khai hiệu quả phần mềm báo cáo trên các lĩnh vực; rà soát, đơn giản hóa các báo cáo.

Phát triển, phát huy hơn nữa hoạt động của Trung tâm IOC, thực hiện tiếp nhận, chuyển giao, xử lý và giám sát kết quả thực hiện kiến nghị của người dân và doanh nghiệp. Hoàn thiện các chức năng của phần mềm phục vụ tốt quản lý.

7. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật trong và ngoài nước; tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế, trao đổi chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn lực chất lượng cao; triển khai đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin tham gia tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ CCHC, hiện đại hóa nền hành chính.

Tăng cường đối thoại, tiếp xúc giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội với các đối tượng (doanh nghiệp, người lao động, nhân dân,...); huy động sự tham gia tích cực của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, tích cực phản ánh, kiến nghị, góp ý về các dự thảo văn bản, các chủ trương, chính sách để tăng tính phản biện.

IV. Nguồn lực thực hiện chương trình

1. Nguồn nhân lực

a) Hàng năm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC nói chung và ứng dụng công nghệ thông tin nói riêng.

b) Mỗi năm tổ chức ít nhất 10 lớp bồi dưỡng về kỹ năng hành chính và xem xét cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo phù hợp với vị trí việc làm và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành và địa phương.

2. Nguồn vật lực

a) Hàng năm tổ chức rà soát nhu cầu mua sắm trang thiết bị, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho công tác CCHC và ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Đầu tư xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp đồng bộ theo hướng hiện đại.

3. Nguồn tài lực

Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách và các nguồn hợp pháp khác.

Phần ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Chương trình này, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị mình và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra đôn đốc thực hiện chương trình; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày 05 tháng 12.

2. Phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố.

a) Sở Nội vụ

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và báo cáo, kiến nghị về các biện pháp cần thiết bảo đảm cho Chương trình được thực hiện đạt hiệu quả. Theo dõi, đánh giá cơ quan, đơn vị làm tốt công tác CCHC đề nghị khen thưởng hàng năm hoặc khen thưởng đột xuất. Đồng thời lập dự trù kinh phí phục vụ cho CCHC; chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách công chức, công vụ và cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Trình UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện CCHC; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác CCHC ở các cơ quan, đơn vị.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch CCHC; xây dựng báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình; thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính do cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh thực hiện; kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo UBND tỉnh hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

b) Sở Tư pháp

Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế; chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí phục vụ kịp thời thực hiện Chương trình; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; thẩm định kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị, tổng hợp và trình UBND tỉnh quyết định; hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

d) Sở Thông tin và Truyền thông

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử trong xử lý công việc của cơ quan; phát huy hiệu quả cổng thông tin điện tử của tỉnh; thực hiện mục tiêu đối thoại, giao lưu trực tuyến với người dân và doanh nghiệp; khảo sát, đánh giá hiện trạng hệ thống thư điện tử của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh việc triển khai chính quyền điện tử, tuyên truyền về CCHC nhà nước của tỉnh; phối hợp với Thanh tra tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố làm tốt công tác thông tin và truyền thông, thể hiện rõ quyết tâm của Đảng, Nhà nước trong công tác phòng, chống tham nhũng.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

e) Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện cải cách TTHC, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các công việc được giao theo đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng, sơ kết báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ);
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- VPTU và Ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Thanh